

Số: 99/2022/KDTM-ST

Ngày: 30-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 411/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty 4;

Địa chỉ: Đường C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân K (văn bản ủy quyền số 153/UQ-CT ngày 22/10/2020) (có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Công Ty trách nhiệm hữu hạn T;

Địa chỉ: Đường Q, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Xuân K trình bày:

Công ty 4 vào ngày 01/01/2017 đã ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 77/CT4-CTHTP/2017 với bị đơn. Theo đó, Công ty 4 bán xăng dầu cho bị đơn và bị đơn có trách nhiệm thanh toán trong thời hạn 05 ngày kể từ khi hai bên quyết toán công nợ (vào ngày 15 hàng tháng).

Mặc dù phía nguyên đơn cung cấp hàng hóa đầy đủ, phía bị đơn cũng đã ký biên bản công nợ. Tuy nhiên, bị đơn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 31/5/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng số tiền 447.446.476 đồng, trong đó: Nợ gốc là 379.173.596 đồng, lãi tạm tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/5/2020 là 68.292.880 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả số tiền 447.446.476 đồng.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã được Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt cũng như không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khởi kiện đề ngày 25/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan. Do đó, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Căn cứ hợp đồng mua bán xăng dầu số 77/CT4-CTHTP/2017 ngày 01/01/2017 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2020, có cơ sở xác định, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 379.173.596 đồng. Việc việc bị đơn chưa thanh toán số tiền nêu trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại mục 32.2 Điều 3 của hợp đồng mà đôi bên đã ký kết. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 379.173.596 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005

Đối với khoản tiền lãi do chậm thanh toán, mức lãi xuất mà nguyên đơn áp dụng phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là 68.292.880 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công Ty trách nhiệm hữu hạn T thanh toán cho Công ty 4, số tiền tổng cộng 447.466.476 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 21.897.859 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 50, 306 Luật Thương mại 2005,

Áp dụng các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty 4, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả cho Công ty xăng dầu Quân đội 4 tổng cộng số tiền 447.466.476 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán xăng dầu số 77/CT4-CTHTP/2017 ngày 01/01/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công Ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 21.897.859 đồng tiền án phí; hoàn lại cho Công ty 4 số tiền 10.949.330 đồng theo biên lai số AA/2021/0048629 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự, quận Gò Vấp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thành Phong